

Số: 168 /KH -THNVT

Cộng Hòa, ngày 06 tháng 8 năm 2024

**KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2024-2025**

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; trường TH Nguyễn Văn Thuần xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế công khai cho năm học 2024-2025 như sau:

PHẦN I. MỤC TIÊU

Nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm của các thành viên trong nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong các hoạt động và chất lượng giáo dục.

Quản lý tốt việc thu - chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tinh đoàn kết nội bộ tốt.

Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong từng năm học.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn để mọi người cùng biết, cùng bàn và cùng chung tay thúc đẩy sự nghiệp giáo dục của nhà trường.

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

PHẦN II. NỘI DUNG CÔNG KHAI.

Công khai theo TT09/ 2024/BGD&ĐT gồm có các nội dung chính sau:

Thông tin chung(theo điều 4); Đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý và nhân viên(Điều 8 khoản 1); Cơ sở vật chất(Điều 8 khoản 2); Kiểm định chất lượng giáo dục(Điều 8 khoản 3); Kết quả hoạt động giáo dục(Điều 9 khoản 2,3); Kết quả hoạt động tài chính(Khoản 1,3,4 Điều 5); kết quả thực hiện các nhiệm vụ khác. Cụ thể như sau:

I/ THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục: KH phát triển GD giai đoạn 2024-2029

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập (nếu có);

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 8, , đối sánh số liệu với năm trước liền kề. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh

hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 8, Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa,

bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy định công khai

- Ban Chỉ đạo của trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban; Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn là Phó trưởng ban. Tổ trưởng các tổ, tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, giáo viên Tin học là các ủy viên của Ban chỉ đạo.

- Hiệu trưởng (Trưởng ban chỉ đạo) tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT; Thông tư 61/2017 hướng dẫn việc công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư 90/2018/ TT- BTC bổ sung sửa đổi thông tư 61 trong Hội đồng sư phạm nhà trường.

- Các thành viên trong ban chỉ đạo thực hiện theo sự phân công của trưởng, phó ban, căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành thu thập thông tin, nội dung công khai: Thông tin chung(theo điều 4); Đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý và nhân viên(Điều 8 khoản 1); Cơ sở vật chất(Điều 8 khoản 2); Kiểm định chất lượng giáo dục(Điều 8 khoản 3); Kết quả hoạt động giáo dục(Điều 9 khoản 2,3); Kết quả hoạt động tài chính(Khoản 1,3,4 Điều 5); kết quả thực hiện các nhiệm vụ khác.

- Phó ban và ủy viên Thanh tra giúp Trưởng ban thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế công khai(Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết

thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

3. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều này, các cơ sở giáo dục phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

1. Phân công nhiệm vụ các thành viên tham gia điều tra cung cấp số liệu, thông tin.

1. Bà Nguyễn Thị Hải (TB): Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT và hướng dẫn của Phòng GD-ĐT Quảng Yên đến tất cả toàn thể Hội đồng sư phạm nhà trường, CMHS ;

2. Bà Tạ Thị Tuyền (phó TB): Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu, báo cáo công khai theo quy định. Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông tin công khai

4. Bà Vũ Thị Thương (thư ký): Tổng hợp thông tin báo cáo, các biểu mẫu kê khai, nhập dữ liệu trên máy vào các biểu mẫu báo cáo. Ghi chép biên bản các cuộc họp Ban chỉ đạo và Hội đồng sư phạm, giúp Trưởng ban hoàn thành kế hoạch thực hiện Quy chế công khai.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT(b/c);
- CBGVNV(t/h);
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hải

Số: 169 /TB-THNVT

Cộng Hòa, ngày 18 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI

Để đảm bảo thời gian, nội dung công khai, Hiệu trưởng phân công các đ/c thực hiện lập các biểu công khai và tổ chức công khai (Có biên bản lưu lại) với từng nội dung sau:

STT	Tên biểu	Nội dung	Thời gian công khai	Hình thức công khai	Phân công thực hiện
1	Thông tin chung	Bao gồm các thông tin điều 4.TT09	30 Tháng 6 hàng năm	<i>Công khai trên cổng thông tin trường. Lưu trữ tài liệu công khai : nhân viên kế toán</i>	Hiệu trưởng
2	Đội ngũ nhà giáo, CBQLVC	Bao gồm các thông tin khoản 1 điều 8 và khoản 1 điều 10 TT09	30 Tháng 6 hàng năm		Hiệu trưởng
3	Cơ sở vật chất	Bao gồm các thông tin Khoản 2a,b điều 8 TT09, đối sánh số liệu với năm liền kề	30 Tháng 6 hàng năm		Hiệu trưởng
		Bao gồm các thông tin Khoản 2c,d điều 8 TT09, đối sánh số liệu với năm liền kề	30 Tháng 6 hàng năm		Phó HT
4	Kiểm định chất lượng giáo dục	Bao gồm các thông tin Khoản 3 điều 8.TT09	31/12 hàng năm		Phó HT
5	Kết quả hoạt động giáo dục	Bao gồm các thông tin Khoản 2,3 điều 9 TT09 đối sánh số liệu với năm liền kề	31/12 hàng năm		Phó HT
6	Kết quả tài chính	Bao gồm các thông tin báo cáo được quy định tại khoản 1,3,4 Điều 5 TT 09, đối sánh số liệu với năm trước liền kề	Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được giao đầu năm, ngày điều chỉnh giảm hoặc bổ		Kế toán

			sung trong năm (nếu có)		
7	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của đơn vị, ngành	30 Tháng 6 hàng năm		HT
8	Báo cáo thường niên	Theo mẫu kèm TT09	30 Tháng 6 hàng năm		HP

- Các thành viên khác của Ban chỉ đạo công khai hỗ trợ trưởng ban và phó ban khi được phân công nhiệm vụ. Đồng chí Trần thị Hồng phối hợp đăng bài trên trang Web trường kịp thời, chính xác.
- Đề nghị các đ/c chủ động thực hiện các biểu công khai và thực hiện niêm yết công khai, dỡ bỏ công khai với sự có mặt của đầy đủ các thành phần và vào đúng thời gian (theo quy định).

Nơi gửi:

- Ban CD , NV (để t/h);
- Lưu VP
-

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hải

